

Họ và tên:

Lớp:

Toán

ÔN TẬP TUẦN 35

Bài 1: Số?

a. $\frac{1}{3} = \frac{\square}{12}$

b. $\frac{7}{11} = \frac{\square}{22}$

c. $\frac{\square}{5} = \frac{8}{20}$

d. $\frac{4}{13} = \frac{16}{\square}$

Bài 2: Rút gọn phân số:

a. $\frac{8}{22} = \frac{\quad}{\quad}$

d. $\frac{81}{90} = \frac{\quad}{\quad}$

b. $\frac{15}{35} = \frac{\quad}{\quad}$

e. $\frac{20}{28} = \frac{\quad}{\quad}$

c. $\frac{24}{40} = \frac{\quad}{\quad}$

f. $\frac{35}{49} = \frac{\quad}{\quad}$

Bài 3: Quy đồng mẫu số các phân số:

a. $\frac{3}{7}$ và $\frac{2}{21}$

b. $\frac{5}{6}$ và $\frac{7}{24}$

c. $\frac{17}{20}$ và $\frac{3}{5}$

..... và

..... và

..... và

Bài 4: Tính:

a. $\frac{5}{7} + \frac{2}{14} = \frac{\quad}{\quad}$

$\frac{2}{3} + \frac{4}{9} = \frac{\quad}{\quad}$

b. $\frac{5}{6} + 3 = \frac{\quad}{\quad}$

$\frac{11}{4} + \frac{7}{36} = \frac{\quad}{\quad}$

c. $\frac{10}{9} - \frac{2}{3} = \frac{\quad}{\quad}$

$\frac{6}{5} - \frac{8}{15} = \frac{\quad}{\quad}$

d. $\frac{3}{2} - \frac{17}{18} = \frac{\quad}{\quad}$

$1 - \frac{3}{13} = \frac{\quad}{\quad}$

e. $\frac{5}{6} \times \frac{3}{8} = \frac{\quad}{\quad}$

$\frac{13}{15} \times 6 = \frac{\quad}{\quad}$

f. $\frac{9}{16} : \frac{1}{4} = \frac{\quad}{\quad}$

$\frac{6}{5} : \frac{3}{2} = \frac{\quad}{\quad}$

Bạn nhớ làm bài cẩn thận, kiểm tra lại kết quả nhé!

Bài 5: Tính giá trị biểu thức:

$$345 \times 14 - 1908$$

$$919 + 2592 : 24$$

$$\frac{7}{2} : \frac{3}{4} - \frac{5}{6}$$

$$8 + \frac{1}{2} \times \frac{9}{5}$$

Bài 6: Tính bằng cách thuận tiện:

$$\frac{3}{4} \times \frac{25}{8} - \frac{3}{4} \times \frac{17}{8}$$

$$\frac{13}{18} \times \frac{3}{19} + \frac{13}{18} \times \frac{16}{19}$$

$$1\,278 \times 187 - 1\,278 \times 87$$

$$781 \times 84 + 16 \times 781$$

Bài 7: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $25\text{ m}^2\,9\text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

$5\text{ cm}^2\,8\text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$

$8\text{ m}^2\,15\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

$12\text{ dm}^2\,1\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

b. $9\text{ phút}\,32\text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ giây}$

$5\text{ giờ}\,35\text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ phút}$

$12\text{ phút}\,8\text{ giây} = \dots\dots\dots \text{ giây}$

$9\text{ giờ}\,14\text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ phút}$

c. $3\text{ yến}\,9\text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$7\text{ tấn}\,200\text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$8\text{ tạ}\,15\text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$3\text{ tấn}\,2\text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ tạ}$

Bạn nhớ làm bài cẩn thận, kiểm tra lại kết quả nhé!

Bài 8: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 8 m, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{21}{8}$ m.

a) Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật.

b) Người ta dùng $\frac{35}{2} m^2$ để trồng hoa, diện tích còn lại của mảnh đất dùng để trồng rau. Tính diện tích trồng rau.

Bài giải

Bài 9: Một tấm kính hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{3}{2}$ m, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{5}{8}$ m.

a) Tính diện tích của tấm kính đó.

b) Người ta cắt tấm kính ra làm hai phần. Phần thứ nhất có diện tích là $\frac{18}{16} m^2$. Tính diện tích phần còn lại.

Bài giải

Bạn nhớ làm bài cẩn thận, kiểm tra lại kết quả nhé!

Bài 10: Viết chắc chắn, có thể, không thể vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hộp có 5 quả bóng, trong đó có 2 quả màu xanh và 3 quả màu đỏ. Không nhìn vào hộp, lấy ra 4 quả bóng. Trong 4 quả bóng lấy ra:

- a) có 3 quả bóng màu xanh.
- b) có 2 quả bóng màu vàng.
- c) có 3 quả bóng màu đỏ.
- d) có 1 quả bóng màu xanh.

Bài 11: Cô Bình mua về 15 kg gạo. Tuần thứ nhất cô dùng $\frac{17}{3}$ kg gạo. Tuần thứ hai cô dùng ít hơn tuần thứ nhất $\frac{7}{6}$ kg gạo.

- a) Tính số ki-lô-gam gạo cô Bình dùng trong tuần thứ hai.
- b) Tính số ki-lô-gam gạo cô Bình còn lại sau hai tuần.

Bài giải

Bài 12: Một tấm bìa hình vuông có chu vi là $\frac{24}{7}$ dm. Tính diện tích của tấm bìa hình vuông đó.

Bài giải

Bạn nhớ làm bài cẩn thận, kiểm tra lại kết quả nhé!